TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HS - PT.
Ngày: 06 - 5 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Ông Hà Văn Nâu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/TLPT-HS ngày 06/01/2022 đối với bị cáo Lê Văn C, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn C đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 216/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn C**, sinh năm 1978. Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T xã T, thành phố B, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Cán bộ địa chính đã nghỉ việc; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đình chỉ sinh hoạt Đảng; Văn hóa: 12/12;

Con ông: Lê Văn S, sinh năm 1947 (đã chết);

Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1956;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1986;

Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 02 người bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2003, Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 1207/QĐ-CT về việc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) ở cho 78 hộ dân thuộc xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) trong đó có hộ ông Dương Văn T1, sinh năm 1967 và hộ ông Cao Văn M, sinh năm 1965 cùng trú tại thôn V, xã T. Sau đó phòng Địa chính - Nông nghiệp huyện Yên Dũng (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) huyện Yên Dũng đã giao giấy chứng nhận QSDĐ cho các xã để công chức địa chính làm thủ tục giao cho người dân. Sau khi nhận giấy chứng nhận QSDĐ, Lê Văn C - khi đó là công chức địa chính xã Tân Tiến đã trao trả cho các hộ dân, nhưng không giao trả cho hộ ông T1 và hộ ông M. Tháng 8 năm 2014, khi C chuyển công tác về phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, C đã mang giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông T1 và hộ ông M cùng các tài liệu khác về cất tại nhà riêng ở thôn Thanh Cảm, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang.

Tháng 4/2020, ông T1 gặp và nhờ C hỏi hộ đất đang ở của gia đình ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ chưa, C nhận lời rồi về kiểm tra lại các tài liệu để ở nhà, C thấy có giấy chứng nhận QSDĐ của ông T1 và ông M. Lúc này, C nảy sinh ý định lừa ông T1 và ông M một số tiền để tiêu cá nhân. C điện thoại cho ông T1 thông báo đất nhà ông T1 đã có giấy chứng nhận QSDĐ, nhưng không nói cho ông T1 biết giấy chứng nhận QSDĐ của ông T1 đang do C giữ. C bảo với ông T1 để lấy được giấy chứng nhận QSDĐ thì phải làm các thủ tục để lấy giấy tờ đất hết khoảng 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và phải đưa trước 20.000.000 đồng để C xuống huyện Yên Dũng lấy về. Do không có tiền nên ông T1 bảo chỉ có 25.000.000 đồng, còn lại nhờ C giúp và C đã đồng ý. Ngày 21/4/2020, C đến nhà ông T1 để nhận trước số tiền 20.000.000 đồng và hẹn hôm sau sẽ mang giấy chứng nhận QSDĐ về cho ông T1. Quá trình C nhận tiền từ ông T1, anh Dương Văn B, sinh năm 1999 là con trai của ông T1 đã sử dụng điện thoại di động quay video ghi lại nội dung vụ việc. Ngày 23/4/2020, C đến nhà đưa cho ông T1 giấy chứng nhận QSDĐ số Đ774031 do Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 30/12/2003 mang tên hộ ông Dương Văn T1 được quyền sử dụng 360m^2 đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 11 thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng. Sau đó, bà Trần Thị Khanh, sinh năm 1974 là vợ ông T1 đã đưa cho C 3.500.000 đồng, số tiền 1.500.000 đồng còn thiếu bà Khanh xin C thì được C nhất trí.

Vài ngày sau khi đưa giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T1, C điện thoại cho ông Cao Văn M bảo ông M có tên trong danh sách cấp giấy chứng nhận QSDĐ, diện tích 360m^2 ở khu Văn Sơn, xã Tân Tiến có lấy thì để C lấy hộ, C cũng không cho ông M biết giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông M do C đang giữ. Ông M hỏi chi phí để lấy giấy chứng nhận QSDĐ thì được C cho biết hết khoảng 70.000.000 đồng đến

80.000.000 đồng, nếu lấy thì đưa trước 50.000.000 đồng để C xuống huyện Yên Dũng lấy và ông M đã đồng ý. Ngày 27/4/2020, C đến nhà ông M để nhận tiền, ông M hỏi C cụ thể về số tiền phải nộp để lấy giấy chứng nhận QSDĐ và được C cho biết hết 75.000.000 đồng. C đã nhận trước từ ông M 50.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền hẹn đến ngày 29/4/2020 ông M sẽ được lấy giấy chứng nhận QSDĐ. Sáng ngày 29/4/2020, C đến nhà ông M để nhận nốt số tiền 25.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền với ông M, đến chiều cùng ngày C đưa cho ông M giấy chứng nhận QSDĐ số Đ774036 do Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng cấp ngày 30/12/2003 mang tên hộ ông Cao Văn M được quyền sử dụng 360m^2 đất tại thửa số 26, tờ bản đồ số 11 thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận QSDĐ, ông M kiểm tra thấy giấy chứng nhận QSDĐ do huyện Yên Dũng cấp năm 2003 và ông M điện thoại trao đổi với C về việc nếu đất cấp năm 2003 thì gia đình ông M còn 02 thửa đất nữa mang tên vợ, con ông M là Lã Thị O và Cao Văn T cũng nộp thuế nhà đất cùng với thửa đất này. Tuy biết rõ bà Lã Thị O và anh Cao Văn T chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân nên C không nói cho ông M biết mà bảo ông M đưa tiền để đi lấy giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà O và anh T. Ngày 17/5/2020, C đã nhận của ông M 20.000.000 đồng và viết giấy cam kết nếu không lấy được giấy chứng nhận QSDĐ thì sẽ hoàn trả lại. Ngày 14/6/2020, C bảo ông M đưa tiếp cho 50.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền. Ngày 31/7/2020, C tiếp tục bảo ông M đưa thêm 50.000.000 đồng, khi nhận tiền, C đã viết giấy nhận tiền và hẹn từ ngày 20/8/2020 đến ngày 25/8/2020 C sẽ trả giấy chứng nhận QSDĐ. Đến thời gian hẹn, không thấy C mang trả giấy chứng nhận QSDĐ, ông M đã nhiều lần điện thoại hỏi thì C nói dối là do bận chưa đi lấy giấy tờ đất về được. Khoảng đầu tháng 9/2020, ông M đến gặp C tại nơi làm việc để hỏi, lúc này C mới cho biết bà Lã Thị O và anh Cao Văn T chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. C bảo sẽ làm hồ sơ cấp mới cho ông M nhưng ông M không đồng ý và làm đơn tố cáo hành vi của C gửi đến Công an thành phố Bắc Giang.

Ngày 01/3/2021, ông M đã giao nộp các giấy biên nhận tiền vào các ngày 27/4/2020, 29/4/2020, 17/5/2020, 14/6/2020 và 31/7/2020 do Lê Văn C viết, 03 Giấy thông báo nộp thuế nhà đất số 14/TB-UBND, 15/TB-UBND và 16/TB-UBND cùng ngày 24/3/2011 của UBND xã Tân Tiến mang tên Cao Văn T, Lã Thị O và Cao Văn M. Ngày 02/3/2021, ông M giao nộp giấy chứng nhận QSDĐ số Đ774036 mang tên hộ ông Cao Văn M. Ngày 25/5/2021, anh Dương Văn B giao nộp đoạn video ghi lại nội dung trò chuyện và việc giao nhận tiền giữa ông T1 và C.

Quá trình điều tra, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang C cấp thông tin hộ ông Cao Văn M và ông Dương Văn T1 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo Quyết định số 1207/QĐ-CT ngày 30/12/2003 của Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng. Trong đó: Hộ ông Dương Văn T1 được quyền sử dụng 360m^2 đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 11 thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến và hộ ông Cao Văn M

được quyền sử dụng 360m^2 đất tại thửa số 26, tờ bản đồ số 11 thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến.

Ngày 13/6/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở của Lê Văn C và thu giữ 802 Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (loại đất nông nghiệp) và 06 bản ghi chép các hộ dân nhận giấy chứng nhận QSDĐ trên địa bàn xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bắc Giang đã có quyết định trưng cầu giám định số 131 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Gang giám định chữ ký, chữ viết trên các giấy ghi nhận nội dung nhận tiền do C viết cho ông M khi nhận tiền. Tại bản kết luận giám định số 648/KL-KTHS ngày 16/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn C trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Bản cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 05/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 216/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/12/2021, bị cáo nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Lê Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tòa sơ thẩm xét xử bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hiện tại điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, người bị hại là ông Dương Văn T1 tiếp tục có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại cấp phúc thẩm. Bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm như bản án đã tuyên.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo, chấp nhận một

phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn C, sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 5 năm đến 5 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo Lê Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Văn C không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Lê Văn C nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận ra tội lỗi của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn C đã được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C thì thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2020, Lê Văn C sinh năm 1978 ở thôn Thanh Cảm, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang nguyên là Công chức Địa chính xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo chiếm đoạt của ông Cao Văn M, sinh năm 1965 ở thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang tổng số tiền là 195.000.000 đồng và lừa đảo chiếm đoạt của ông Dương Văn T1, sinh năm 1967 ở thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang tổng số tiền là 23.500.000 đồng thông qua việc nhờ lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 hộ trên. Tổng số tiền C chiếm đoạt của các bị hại là 218.500.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Lê Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Văn C thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên " quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Văn C khai báo lO quanh, không thành khẩn, nên không được áp dụng tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại nên được áp dụng điểm b khoản 1 điều 51 BLHS, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo trong quá trình công tác được

tặng giấy khen, bố đẻ được nhà nước tặng giấy khen, tặng bằng khen nên được áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Lê Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng hình luật, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn C mức án 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù tù là tương xứng với hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Lê Văn C xuất trình đơn đề ngày 20/4/2022 trình bày bản thân nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", là đúng người, đúng tội không oan, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện tại rất khó khăn, bị cáo bị bệnh phải điều trị, bị cáo đã nộp đủ số tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm tổng số là 10.200.000 đồng. Người bị hại là ông Dương Văn T1 tiếp tục có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo tại cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới chưa được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo tại cấp phúc thẩm. Do bị cáo Lê Văn C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Văn C, do bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là " Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo, do đó không có căn cứ để chaaps nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn C được chấp nhận nên bị cáo kh

ông phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo, chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 04 (Bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn C không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Lê Văn C đã nộp 10.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000673 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương